

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**

Ảnh màu

4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông-Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Tiến Thịnh

2. Ngày tháng năm sinh: 25/4/1980.....; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 38C, Tổ 5, Khu Tân Xuân, T.T. Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Vũ Tiến Thịnh, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0912114373;

E-mail: vtthinhvnuf@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2021: Giảng viên Khoa Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Từ năm 2009 đến năm 2013: Kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm nghiên cứu cứu hộ và Phát triển động vật hoang dã, Viện Sinh thái rừng và Môi trường, Đại học Lâm nghiệp.

Từ năm 2013 đến năm 2016: Phó Viện trưởng Viện Sinh thái rừng và Môi trường (Phó bí thư Chi bộ Viện Sinh thái rừng và Môi trường, Đại học Lâm nghiệp).

Từ năm 2013 đến năm 2017: Kiêm nhiệm Chủ nhiệm Bộ môn Động vật rừng, Khoa Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Đại học Lâm nghiệp.

Từ năm 2016 đến năm 2021: Phó Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Đại học Lâm nghiệp

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phòng, Phó Viện trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Lâm nghiệp

Địa chỉ cơ quan: Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02433840541

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đã từng giảng dạy bậc cao học tại Đại học Nông Lâm Thái Nguyên (2010-2011); hướng dẫn luận văn cao học tại Đại học Tây nguyên (2016); tham gia hướng dẫn một luận văn cao học tại Trường Đại học Tổng hợp Dresen, CHLB Đức.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 6 năm 2002, ngành: Lâm nghiệp, chuyên ngành: Quản lý và Bảo vệ rừng.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 5 tháng 8 năm 2005, ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, chuyên ngành: Khoa học Lâm nghiệp

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học tổng hợp bang Colorado, Hoa Kỳ

- Được cấp bằng TS ngày 7 tháng 8 năm 2009, ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, chuyên ngành: Sinh học Cá, Động vật hoang dã và Bảo tồn (Wildlife and Conservation Biology)

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học tổng hợp bang Colorado, Hoa Kỳ

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....

.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 13 tháng 4 năm 2015, ngành: Nông nghiệp-Lâm nghiệp.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp-Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tính đa dạng sinh học và hiện trạng của các loài quý hiếm; thực hiện các chương trình giám sát đa dạng sinh học; đánh giá ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu tới đa dạng sinh học; và nghiên cứu kỹ thuật và công tác quản lý hoạt động nhân nuôi, cứu hộ động vật hoang dã.

- Ứng dụng sóng âm thanh và thiết bị tự động trong điều tra đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên rừng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ trì 01 Nafosted; 01 cấp thành phố Hà Nội cùng nhiều đề tài/dự án nghiên cứu khoa học tài trợ bởi các quỹ quốc tế.

- Đã công bố (số lượng) 63 bài báo KH, trong đó 19 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

• Một trong 10 sinh viên quốc tế tiêu biểu của Đại học Tổng hợp Bang Colorado (2007).

• Giải thưởng cho các nhà bảo tồn trẻ của Conservation Leadership Program (BP Conservation Fund) bằng một chương trình nghiên cứu (2012).

• Sinh viên tiêu biểu dự Chương trình giao lưu thanh niên giữa các quốc gia ASEAN và Hàn Quốc (2001).

• Học bổng của quỹ Hasebe Asian Scholarship Foundation (2001, 2002).

• Chứng nhận Sao tháng giêng (109 sinh viên xuất sắc trong toàn quốc) của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (2002).

• Bằng khen của hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp về thành tích học tập xuất sắc (liên tục từ năm 1998-2002).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một giảng viên đại học, có thái độ làm việc nghiêm túc, có kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng sư phạm tốt. Trong công việc, tôi luôn cư xử đúng mực và nhận được sự tin yêu của đồng nghiệp và học sinh - sinh viên.

Ngoài ra, trong suốt quá trình học tập và công tác tôi đã luôn nỗ lực hết mình để tìm tòi, học hỏi, nâng cao trình độ, tận dụng mọi nguồn lực để nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm phục vụ giảng dạy.

Với công tác đào tạo: tôi trực tiếp tham gia giảng dạy đại học, giảng dạy sau đại học; tham gia hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên cao học (HVCH) và nghiên cứu sinh; tham gia các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, luận văn của HVCH và luận án tiến sĩ; tham gia xây dựng bài giảng, giáo trình, chương trình môn học; chủ động đưa ra các giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo. Tôi luôn giảng dạy đủ hoặc vượt định mức được phân công.

Bên cạnh giảng dạy, hướng dẫn tốt nghiệp cho sinh viên, tôi còn chủ trì và tham gia nhiều đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, tham dự hội thảo trong nước và quốc tế. Ngoài ra, tôi còn tham gia công tác hợp tác đào tạo, hướng dẫn học viên thạc sỹ và/hoặc nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục nước ngoài như với Đại học Colorado, Hoa Kỳ và Đại học Tổng hợp Dresen, Đức, v.v.v.

Với những gì đã làm được, tôi tự đánh giá bản thân là đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo ở trường Đại học Lâm nghiệp. Tuy nhiên, tôi sẽ còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để hoàn thiện bản thân và đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nhà trường nói riêng, của ngành và của xã hội nói chung.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm (Chưa tính thời gian làm trợ giảng tại Đại học Tổng hợp Colorado, Hoa Kỳ).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup>
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			3	1	350	30	380/672/84
2	2014-2015	1		1	2	485	60	545/1208/84
3	2015-2016	2		4	10	460	90	550/1293/111
4	2016-2017	4		4	8	180	135	315/1167/111
5	2017-2018	4		3	7	175	90	285/1110/111
3 năm học cuối								
6	2018-2019	4		3	4	120	60	180/692/111
7	2019-2020	3		3	1	180	60	180/518/111
8	2020-2021	3		4	4	75	195	270/459,3/111

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: Hoa Kỳ năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam; (Ngoài ra, trong thời gian học Tiến sĩ có tham gia trợ giảng cho bậc đại học).

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Mạnh Long	x		x		2016-2020	Đại học Lâm nghiệp	QĐ cấp bằng ngày 6/5/2020 Ngày cấp bằng 26/6/2020
2	Đỗ Xuân Trường	x		x		2013-2021	Đại học Lâm nghiệp	QĐ cấp bằng ngày 10/5/2021 Ngày cấp bằng 3/6/2021
3	Thananh Khotpathoom	x		x		2015-2021	Đại học Lâm nghiệp	QĐ cấp bằng ngày 10/5/2021 Ngày cấp bằng 14/5/2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư</b>							
1	Quản lý động vật hoang dã	GT	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	01	x	1-220	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 29 tháng 6 năm 2020
2	Phân bố của các loài thú nguy cấp, quý hiếm ở Việt Nam	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	01	x	1-195	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 29 tháng 6 năm 2020
3	Bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu trong	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	13	x	Tham gia biên soạn tất cả các chương	Giấy xác nhận sử dụng sách ngày 7 tháng 6 năm 2021

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	bồi cảnh biến đổi khí hậu						

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS: 2, 3.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>Trước khi được công nhận chức danh Phó giáo sư</b>					
1	Nghiên cứu kỹ thuật nuôi Tắc kè (Gekko gecko Linnaeus, 1758) thương phẩm quy mô hộ gia đình ở Hà Nội	CN	01C-05/05-2011-3 Cấp TP Hà Nội	2011 – 2013	05/3/2014/Xếp loại xuất sắc
<b>Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư</b>					
2	ĐT: Ứng dụng âm sinh học trong điều tra và giám sát động vật hoang dã: Nghiên cứu điểm với các loài vượn và các loài chim trong bộ gà	CN	106-NN.06-2015.37 Đề tài Nafosted tương đương cấp nhà nước (TT số: 37/2014/TT-BKHCN)	2016-2019	Ngày 14 tháng 6 năm 2019/Xếp loại Đạt (Được hội đồng đề nghị khen thưởng)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>Trước khi được công nhận chức danh Phó giáo sư</b>								
<b>Bài báo quốc tế</b>								
1	Road crossing by birds in a tropical forest in northern Vietnam	4	Tg đầu và liên hệ	Ornithological Applications (Tên cũ The Condor)	ISI; IF =2,63; Q1	16	114: 639-644	2012
2	Avian conservation value of pine plantation forests in northern Vietnam	3	Tg đầu và liên hệ	Bird Conservation International	ISI; IF=2,29; Q1	5	22: 193-204	2012
3	Effects of different logging schemes on bird communities in tropical forests: A simulation study	3	Tg đầu và liên hệ	Ecological Modelling	ISI; IF=2,97; Q2	15	243: 95–100	2012
4	Avian influenza viruses in wild land birds in northern Vietnam	7	Tg đầu	Journal of Wildlife Diseases	ISI; IF=1,53; Q2	28	Số 48: 195-200	2012
5	Comparing money and labour payment in contingent valuation: the case of forest fire prevention in Vietnamese context	3		Journal of International Development	ISI; IF=1,82; Q2	60	19: 173–185	2007



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
6	Bird species richness and diversity in relation to vegetation in Bavi National Park, Vietnam	1	Tg đầu và liên hệ	Ornithological Science	ISI; IF=0,89; Q3	21	5: 121-125	2006
<b>Bài báo trong nước</b>								
7	Nghiên cứu tình trạng và phân bố của các loài động vật hoang dã quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp cộp, tỉnh Sơn La	1	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp			Số 1 năm 2014: 3216-3223	2014
8	Đặc điểm sinh trưởng và sử dụng thức ăn của Gà rừng ( <i>Gallus gallus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Số 1 năm 2014: 29-35	2014
9	Nghiên cứu tính đa dạng khu hệ thú tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông	2		Tạp chí NN&PTNT			Số 11 năm 2014: 119-126	2014
10	Ước lượng xác suất phát hiện động vật hoang dã trong phương pháp điều tra theo tuyến để hiệu chỉnh mật độ	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 12 năm 2014: 113-119	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
11	Nghiên cứu thành phần loài và hiện trạng của các loài động vật quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông	2		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT			Số 6 năm 2014: 103-110	2014
12	Nghiên cứu tập tính hoạt động của loài Đon ( <i>Atherurus macrourus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	1	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Số 03 năm 2013: 82-85	2013
13	Đa dạng thành phần loài chim tại khu vực đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Tân Phước, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	1	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 16 năm 2013: 110-115	2013
14	Thành phần loài động vật quý hiếm tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, tỉnh Bắc Kạn	1	Chính	Kỷ yếu hội thảo về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật			735-740	2013
15	Các loài động vật hoang dã có giá trị bảo tồn tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phu Canh, tỉnh Hòa Bình	1	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp			Số 3 năm 2013: 2900-2905	2013
16	Mô phỏng biến động quần thể Bò	2		Tạp chí Khoa học và Công			Số 3 năm 2013: 62-66	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	tót ( <i>Bos gaurus</i> ) tại Vườn quốc gia Cát Tiên			nghe Lâm nghiệp				
17	Nghiên cứu đặc điểm sử dụng thức ăn của Tắc kè ( <i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) và biện pháp chủ động nguồn thức ăn trong chăn nuôi Tắc kè thương phẩm	1	Chính	Tạp chí Rừng và Môi trường			Số 60: 40-43	2013
18	Đa dạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát tại khu vực đề xuất thành lập Khu bảo tồn Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 19 năm 2013: 114-118	2013
19	Hiện trạng các loài động vật quý hiếm khu rừng đặc dụng Hương Sơn, Hà Nội	2		Tạp chí Rừng và Môi trường			60: 40-43	2013
20	Tập tính và chu kỳ hoạt động của Tắc kè ( <i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	1	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 21 năm 2013: 101-104	2013
21	Khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông	2		Kỷ yếu hội thảo về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật			474-480	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
22	Dẫn liệu mới bổ sung cho khu hệ động vật tại khu rừng đặc dụng Hương Sơn, Hà Nội	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Số 4 năm 2013: 31-39	2013
23	Nghiên cứu thành phần thức ăn và khẩu phần ăn của Đon ( <i>Atherurus macrourus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	1	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp			Số 3 năm 2013: 2906-2912	2013
24	Đặc điểm sinh sản của Tắc kè ( <i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	1	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp			Số 4 năm 2013: 3078-3085	2013
25	Tính đa dạng của khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn - Ngổ Luông, tỉnh Hòa Bình	2		Hội thảo về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam			270-275	2012
26	Dẫn liệu mới cho khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh	2	Chính	Hội thảo về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam			299-304	2012
27	Estimation of Northern buff-cheeked crested gibbon population size in Kon Cha Rang nature reserve: a new method using	2	Chính	Hội thảo về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam			289-298	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	weighted correction factor							
<b>Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư</b>								
<b>Bài báo quốc tế</b>								
28	Using bioacoustics to monitor gibbons	2	Tg đầu và liên hệ	Biodiversity and Conservation	ISI; IF = 3,55; Q1		30(4): 1189–1198	2021
29	New records of the forest musk deer <i>Moschus berezovskii</i> in Viet Nam revealed by camera traps	6		Oryx	ISI; IF = 1,96; Q2		55(4) Bản thông tin ngắn (Short notes, Conservation news)	2021
30	Using autonomous recorders and bioacoustics to monitor the globally endangered wildlife in the Annamite mountain landscape: A case study with Crested argus in Song Thanh Nature Reserve	2	Tg đầu và liên hệ	Journal for Nature Conservation	ISI; IF = 2,83; Q1	2	56: 1-6	2020
31	An estimation of density and population size for Eld's deer in the Xonnabouly Eld's deer sanctuary, Lao PDR	2	Tg liên hệ	Mammalia	ISI; IF = 0,94; Q2		85(2): 109-114	

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
32	Using radiotelemetry to identify the home range and daily movement of a “living fossil”: the Laotian rock rat ( <i>Laonastes aenigmamus</i> )	5	Tg liên hệ	Mammalian Biology	ISI; IF = 1,86; Q1	1	100: 377-384	2020
33	Monitoring occurrence, extinction and colonization probabilities for gibbon populations	6	Tg đầu và liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 2,37; Q1	1	82(9): 1-12	2020
34	Modelling the change in the distribution of the black-shanked douc, <i>Pygathrix nigripes</i> (Milne-Edwards) in the context of climate change: Implications for conservation	9	Tg liên hệ	Raffles Bulletin of Zoology	ISI; IF = 1,27; Q3		68: 769–778	2020
35	Combining species distribution modeling and distance sampling to assess the wildlife population size: a case study with the northern yellow- cheeked	2	Tg liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 2,37; Q1	2	82(9): 1-12	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	gibbon ( <i>Nomascus annamensis</i> )							
36	An application of autonomous recorders for gibbon monitoring	2	Tg đầu và liên hệ	International Journal of Primatology	ISI; IF = 2,26; Q1	12	40: 169–186	2019
37	An assessment of the impact of climate change on the distribution of the grey-shanked douc <i>Pygathrix cinerea</i> using an ecological niche model	9	Tg đầu và liên hệ	Primates	ISI; IF = 2,16; Q1	0	61: 267–275	2019
38	Natural history observations on the endangered turtle <i>Geoemyda spengleri</i> in Tay Yen Tu Nature Reserve (Vietnam), with notes on other sympatric species	5		Herpetological Bulletin	ISI, trong cơ sở dữ liệu của Web of science; Q3	2	146: 1-7	2019
39	Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam	6		Herpetological Journal	ISI; IF = 0,86; Q2	8	29(1): 48-56	2019
40	Improving the estimation of calling probability and correction factors in gibbon monitoring using the auditory point count method	5	Tg đầu và liên hệ	International Journal of Primatology	ISI; IF = 2,26; Q1	3	39: 222–236	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
41	A distance sampling approach to estimate density and abundance of gibbon groups	7	Tg đầu và liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 2,37; Q1	3	80(1): 1-7	2018
42	A mark-recapture population size estimation of southern yellow-cheeked crested gibbon <i>Nomascus gabriellae</i> (Thomas, 1909) in Chu Yang Sin National Park, Vietnam.	8	Tg đầu và liên hệ	Asian Primates Journal			6(1): 33-42	2016
<b>Bài báo trong nước</b>								
43	Xác định cấu trúc đàn Vượn má vàng trung bộ ( <i>Nomascus annamensis</i> ) tại khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị bằng phương pháp âm sinh học	9	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			10: 127-131	2021
44	Xác định tình trạng và phân bố của Vượn đen má trắng tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			11: 149-154	2021
45	Xác định một số đặc điểm sinh thái của Vượn đen má trắng ( <i>Nomascus</i>	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Số 3 năm 2021: 124-131	2021



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	<i>leucogenys</i> Ogiby, 1804) tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh							
46	Xác định khu vực ưu tiên bảo tồn động vật hoang dã trong bối cảnh biến đổi khí hậu	7	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 11 năm 2020: 131-136	2020
47	Đánh giá tính dễ bị tổn thương của một số loài thú ở Việt Nam do ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 9 năm 2020: 80-87	2020
48	Kích thước và cấu trúc đàn Nai cà tông ( <i>Rucervus eldii</i> ) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			Số 9 năm 2020: 56-59.	2020
49	Đặc điểm phân bố của Nai cà tông ( <i>Rucervus eldii</i> ) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			Số 8 năm 2020: 101-109.	2020
50	The competition between Macaques and cao vit Gibbon in Trung Khanh Species & Habitat	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Số 9 năm 2020: 103-112	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Conservation Area, Cao Bang province							
51	Population status and distribution of Rhesus macaque <i>Macaca mulatta</i> (Zimmermann, 1780) at Cat Ba National Park, Vietnam	9		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (Phiên bản tiếng Anh)			Số 7 năm 2019: 63-71	2019
52	Đặc điểm phân bố của các loài chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn			Số 3+4 năm 2019: 220-223	2019
53	Đa dạng thành phần loài chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn			Số 14 năm 2019: 97-105	2019
54	Phân tích phổ âm thanh và xác định cấu trúc đàn vượn đen má vàng phía nam ( <i>Nomascus gabriellae</i> ) bằng phương pháp âm sinh học tại phân khu nam cát tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 21 năm 2019: 94-100	2018
55	Ước lượng mật độ và kích thước quần thể của loài Vượn đen má màng ( <i>Nomascus</i>	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 19 năm 2021: 137-143	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	<i>gabriellae</i> ) ở phân khu Nam Cát Tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên							
56	Phân bố và hiện trạng quần thể của loài Vượn đen má hung ( <i>Nomascus gabriellae</i> ) ở khu vực Đông Dương	4		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn		7	Số 7 năm 2018: 150-154	2018
57	Hiện trạng và phân bố của loài trĩ sao ( <i>Rheinardia ocellata</i> ) tại khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 2 năm 2018: 148-152	2018
58	Using MaxEnt to assess the impact of climate change on the distribution of Southern yellow – cheeked crested gibbon ( <i>Nomascus gabriellae</i> )	4	Tác giả đầu	Journal of Forestry Science and Technology (English version)			Số 2 năm 2018: 131-140	2018
59	Mô hình hóa vùng phân bố thích hợp cho loài chà vá chân nâu ( <i>Pygathrix nemaeus</i> )	3		Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 3+4 năm 2018: 212-218	2018
60	Nghiên cứu hiện trạng loài Vượn má vàng phía Bắc ( <i>Nomascus annamensis</i> ) tại	3	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 17 năm 2017: 142-148	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, tỉnh Quảng Nam bằng phương pháp âm sinh học và thiết bị ghi âm tự động							
61	So sánh ổ sinh thái không gian vào mùa hè giữa Rái cá thường ( <i>Lutra lutra</i> Linnaeus 1758) và Rái cá vuốt bé ( <i>Aonyx cinerea</i> Illiger, 1815) tại VQG Bái Tử Long, tỉnh Quảng Ninh	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 16 năm 2017: 130-138	2017
62	Xác định tình trạng và phân bố quần thể loài Gà so ngực vàng ( <i>Arborophila chloropus</i> ) tại VQG Cát Tiên bằng phương pháp âm sinh học	8	Tg đầu và liên hệ	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ 7 về Sinh thái và tài nguyên sinh vật			952-957	2017
63	Application of automatic recorder and sound analysis in surveying the presence and distribution of bird species in Ngọc Linh nature reserve, Quang Nam province.	10	Tg đầu và liên hệ	Journal of Forestry Science and Technology (Phiên bản tiếng Anh)			Số 5 năm 2017: 101-107	2017

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 07 bài vừa là tác giả đầu vừa là tác giả liên hệ (bài số 29; 33; 34; 37; 38; 41; 42) và 04 bài là tác giả liên hệ (bài số 31; 32; 35; 36).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường bậc Thạc sỹ	Phó Trưởng ban	QĐ thành lập Ban: 2047/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 05 tháng 9 năm 2017.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ cho phép đào tạo của Bộ GDĐT: QĐ 603/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018	Trường Đại học Lâm nghiệp đã triển khai đào tạo ngành học này và đã có khóa học tốt nghiệp
2	Chương trình đào tạo tiên tiến ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Tham gia	QĐ số 25/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 11 tháng 01 năm 2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ Số 7853/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2009	Trường Đại học Lâm nghiệp đã tuyển sinh được 10 khóa
3	Các chương trình bậc đại học và sau đại học	Tham gia	Thông báo số 2534/TB-ĐHLN-ĐTSDH ngày 26 tháng 11 năm 2019	Trường Đại học Lâm nghiệp	QĐ số 2859/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 31 tháng 12 năm 2019	Đình kỳ rà soát sửa đổi 02 năm 1 lần

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Vũ Tiến Thịnh**